**Mẫu B2-TMNV**  
15/2022/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**  
**thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Tên nhiệm vụ: | | **1a** | **Mã số:** |  |
|  | | | *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)* | |  |
| **2** | **Thời gian thực hiện: ……..**tháng | | | |  |
|  | (Từ tháng /20... đến tháng /20... ) | | | |  |
| **3** | **Tổng kinh phí thực hiện: ……………………….triệu đồng, trong đó:** | | | |  |
| **Nguồn kinh phí** | | | ***Số tiền****(triệu đồng)* | |  |
| - Từ Ngân sách nhà nước: | | |  | |  |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước: | | |  | |  |
| **4** | **Đề nghị phương thức khoán chi từ ngân sách nhà nước:** | | | | |
| **□**Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | **□**Khoán từng phần, trong đó: | |  |
|  | | | - Kinh phí khoán: ……………..triệu đồng  - Kinh phí không khoán: ………triệu đồng | |  |
| **5** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ** | | | | |
| Họ và tên: …………………………………………………………………………………………..  Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………Giới tính: Nam/ Nữ:………………………  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ……………………………………………………….  Chức danh khoa học: ...………………………………………Chức vụ ………………………  Điện thoại: …………………………………………………………………………………………  Tổ chức: ……………………………………………… Mobile: ...………………………  ……………………………..  Fax:………………………………………… E-mail: ………………………………………………  Tên tổ chức đang công tác:...………………………………………………………………………  Địa chỉ tổ chức: ……………………………………………………………………………………… | | | | |  |
| **6** | **Thư ký khoa học của nhiệm vụ** | | | |  |
| Họ và tên: …………………………………………………………………………………………..  Ngày, tháng, năm sinh: ………………………………………. Nam/ Nữ:………………………  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ……………………………………………………….  Chức danh khoa học: ...………………………………………Chức vụ ………………………  Điện thoại: …………………………………………………………………………………………  Tổ chức: ……………………………………………… Mobile: ...………………………………..  Fax:………………………………………… E-mail: ………………………………………………  Tên tổ chức đang công tác:...………………………………………………………………………  Địa chỉ tổ chức: ………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………. | | | | |  |
| **7** | | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** | | |  |
| Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: ……………………………………………………………………….  Điện thoại: ………………………………………Fax: ……………………………………………….  Website: ………………………………………………………………………………………………  Địa chỉ: .....……………………………………………………………………………………………  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……………………………………………………………………..  Số tài khoản: ………………………………………………………………………………………….  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ……………………………………………………………………  Tên cơ quan chủ quản nhiệm vụ: ...………………………………………………………………. | | | | |  |
| **8** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ***(nếu có)* | | | |  |
| 1. **Tổ chức 1:** …………………………………………………………………………………………  Tên cơ quan chủ quản ..........................................................................................................  Điện thoại: ........................................................Fax: .............................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ...............................................................................................  Số tài khoản: .........................................................................................................................  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ……………………………………………………………………  2. **Tổ chức 2 :** ……………………………………………………………………………………  Tên cơ quan chủ quản ..........................................................................................................  Điện thoại: ........................................................Fax: .............................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ...............................................................................................  Số tài khoản: .........................................................................................................................  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: …………………………………………………………………… | | | | |  |
| **9** | | **Cán bộ thực hiện nhiệm vụ** | | |  |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Chức danh thực hiện nhiệm vụ**[**1**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-15-2022-TT-BKHCN-quan-ly-Chuong-trinh-ho-tro-doanh-nghiep-nang-cao-nang-suat-532445.aspx?anchor=bieumau_ms_b2_dknv#_ftn1) | **Tổ chức công tác** | **Nội dung công việc thực hiện** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**II. PHẦN THUYẾT MINH CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **10** | | **Mục tiêu của nhiệm vụ** *(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | |
| ***10.1 Mục tiêu chung***  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ***10.2 Mục tiêu cụ thể***  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………. | | | | |
| **11** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ** | | | |
| ***11.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ****(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ)*  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ***11.2 Luận giải về tính cấp thiết, việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của nhiệm vụ***  *(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của nhiệm vụ; nêu rõ những vấn đề cần giải quyết; luận giải việc đặt ra các mục tiêu và nội dung của nhiệm vụ)*  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………. | | | | |
| **12** | | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến nhiệm vụ đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | |
| *(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)*  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………. | | | | |
| **13** | | | **Nội dung của nhiệm vụ:**  Thể hiện đầy đủ các nội dung và hạng mục công việc phải thực hiện *(phân tích rõ những vấn đề mà nhiệm vụ cần giải quyết nhằm hướng tới các mục tiêu và bảo đảm đạt được các sản phẩm, kết quả dự kiến của nhiệm vụ).* | |
|  | | | **Nội dung 1 :**………………………………………………………………………………………  Công việc 1:  ………………………………………………………………………………………….  Công việc 2: ………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  **Nội dung 2 :** ……………………………………………………………………………………  Công việc 1:  ………………………………………………………………………………………….  Công việc 2:  ………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………….  **Nội dung 3 :**…………………………………………………………………………………  Công việc 1: …………………………………………………………………………………  Công việc 2:  …………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………… | |
| **14** | | | **Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, phương án triển khai nhiệm vụ** | |
| ***Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu:*** áp dụng đối với nhiệm vụ nghiên cứu có nhiều nội hàm lý thuyết, lý luận, phương pháp luận hoặc để áp dụng thí điểm (sau đây gọi là nhiệm vụ nghiên cứu lý thuyết)  *14.1 Cách tiếp cận thực hiện nhiệm vụ*  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  *14.2 Phương pháp nghiên cứu*  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  ***Cách tiếp cận và phương án triển khai thực hiện nhiệm vụ:*** áp dụng đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp và nhiệm vụ triển khai khác  *14.1 Cách tiếp cận thực hiện nhiệm vụ*  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  *14.2 Phương án triển khai thực hiện nhiệm vụ*  a) Phương án tổ chức triển khai *(Mô tả đầy đủ, cụ thể phương án triển khai, có sơ đồ và quy trình triển khai thực hiện nhiệm vụ):*  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  b) Phương án về tài chính: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; phương án sử dụng nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước *(các nội dung chi bằng nguồn ngân sách Nhà nước)*; phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đối ứng thực hiện nhiệm vụ:  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  c) Phương án sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm, tài sản, vật tư, nguyên vật liệu,... để thực hiện nhiệm vụ *(bao gồm cơ sở vật chất, thiết bị, tài sản sẵn có của tổ chức chủ trì và thiết bị, tài sản, vật tư, nguyên vật liệu,...đi mua, đi thuê, liên danh, liên kết để thực hiện nhiệm vụ)*   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **stt** | **Tên cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm, tài sản, vật tư, nguyên vật liệu,...** | **Chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật chính** | **Mục đích sử dụng** | **Sẵn có của tổ chức chủ trì** | **Mua, thuê, liên doanh, liên kết** | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |   d) Phương án phối hợp với các đơn vị phối hợp (*Trình bày rõ phương án phối hợp, nội dung phối hợp, cách thức tổ chức phối hợp,...*):  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  đ) Phương án hợp tác quốc tế *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ nhiệm vụ; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của nhiệm vụ):*  …………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………… | | | | |
| **15** | | | **Thuê chuyên gia** | |
| **1. Thuê chuyên gia trong nước** (nếu có)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Thuộc tổ chức** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê** | **Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)** | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |   **2. Thuê chuyên gia nước ngoài** (nếu có)   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc tổ chức** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê** | **Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)** | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | | | |
| **16** | | | Tiến độ thực hiện nhiệm vụ | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** | **Kết quả/sản phẩm phải đạt** | **Thời gian (bắt đầu và kết thúc)** | **Tổ chức, cá nhân thực hiện** | **Dự kiến kinh phí thực hiện**(triệu đồng) | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | …. |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | | | | | |
| **17** | | | **Sản phẩm của nhiệm vụ** | |
| **17.1. Dạng I:** Báo cáo khoa học *(báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết dự án tư vấn, hướng dẫn tại doanh nghiệp; báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị,...);* kết quả dự báo; mô hình điểm; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên sản phẩm** *(ghi rõ tên từng sản phẩm)* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Ghi chú** | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **17.2. Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác | | | | |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên sản phẩm** *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | | | | |
| **18** | | | **Hiệu quả của nhiệm vụ và phương thức chuyển giao, ứng dụng kết quả** | |
| ***18.1 Hiệu quả của nhiệm vụ***  a) Tác động đến kinh tế- xã hội *(đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội: tác động đến nâng cao năng suất chất lượng ngành, địa phương, doanh nghiệp và nền kinh tế; đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước..... Đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp cải tiến năng suất chất lượng cần đăng ký được hiệu quả đạt được sau áp dụng bằng các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với đặc thù của giải pháp áp dụng)*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện nhiệm vụ; nâng cao năng lực cho tổ chức, doanh nghiệp, đối tượng thụ hưởng  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  c) Khả năng duy trì, nhân rộng kết quả nhiệm vụ  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  ***18.2 Phương thức chuyển giao, ứng dụng kết quả***  *(Nêu rõ sản phẩm chuyển giao, hình thức chuyển giao, cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng kết quả, …)*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….* | | | | |
| **19** | | | **Dự kiến phương án xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ** | |
| *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….* | | | | |
| **20** | | | **Dự báo rủi ro và đề xuất các phương án phòng ngừa** | |
| *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….*  *………………………………………………………………………………………………………….* | | | | |
| **21** | | | | **Kinh phí thực hiện nhiệm vụ và nguồn huy động cho các khoản chi** |
| *Đơn vị: triệu đồng* | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số kinh phí** | **Trong đó** | | | | | **Trả công lao động + chuyên gia**(nếu có) | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | **Máy móc, thiết bị, phần mềm** | **Chi khác** | |  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  | |  | Trong đó: |  |  |  |  |  | | 1 | Ngân sách nhà nước |  |  |  |  |  | |  | *Năm thứ nhất* |  |  |  |  |  | |  | *Năm thứ hai* |  |  |  |  |  | |  | …….. |  |  |  |  |  | | 2 | Kinh phí ngoài NSNN |  |  |  |  |  | |  | *- Tự có* |  |  |  |  |  | |  | *- Huy động* |  |  |  |  |  | |  | *- Đối ứng khác (hiện vật,...)* |  |  |  |  |  | | | | | |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày…..tháng…….năm………..* **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Ngày…..tháng…….năm………..* **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| *Ngày…..tháng…….năm………..* **Đơn vị quản lý kinh phí** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *Ngày…..tháng…….năm………..* **Cơ quan quản lý Chương trình** **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Kinh phí ngoài NSNN** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4=(6+8+10)* | *5=(7+9+11)* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | **Trả công lao động** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Thuê chuyên gia**  **-*Trong nước***  ***- Nước ngoài*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Thiết bị, máy móc, phần mềm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(\*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,……*

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1a. Công lao động trực tiếp**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Kinh phí ngoài NSNN** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Chức danh nghiên cứu** | **Số ngày công** | **Hệ số tiền công theo ngày** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Kinh phí ngoài NSNN** | | | |
| Cộng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Cộng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)= 4x5xLcs* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 1b. Thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)** | **Mức lương tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Kinh phí ngoài NSNN** |
| 1 | 2 | 3 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  | | **Chuyên gia trong nước** |  | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  | | **Chuyên gia nước ngoài** |  | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Kinh phí ngoài NSNN** | | | |
| **Tổng NSNN** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | |
| Cộng | *Khoán chi* | Cộng | *Khoán chi* | Cộng | *Khoán chi* | Cộng | *Khoán chi* | Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị, phần mềm tin học**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Nguồn ngoài NSNN** | | | |
| **Cộng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Cộng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1 | Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Doanh nghiệp đối ứng thiết bị, công nghệ *(mua mới hoặc thuê, mượn,...)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuê thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị mua mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Vận chuyển lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Các khoản chi khác**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | **Phân định theo từng năm** | | | **Nguồn ngoài NSNN** |
| Tổng | Khoán chi | Không khoán chi | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi |
| 1 | Công tác phí trong nước |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí đoàn ra |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí đoàn vào |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí quản lý |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | - In ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hội nghị |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |